

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày: 28-05-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hà

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 03 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; có mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1978; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N 2, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và ông Hoàng Văn H không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là quan hệ xã hội, làm ăn với nhau. Ông chuyên nhận thầu cung cấp lao động, máy móc để thi công xây dựng cho bất kỳ ai có nhu cầu. Ông làm cá nhân, không đăng ký kinh doanh. Tháng 08/2019, ông H liên hệ với ông, mời ông nhận thầu thi công đổ đường bê tông tại thôn Gắn, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, ông nhất trí và hai bên thỏa thuận, ông H đổ đường bê tông với khối lượng 875m³ cho thôn Gắn và thôn Cây

Đa, xã Đông Phú. Hai bên thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Sau khi thực hiện xong công việc, ông và ông H có nghiệm thu nH không lập văn bản. Đến ngày 10/12/2019, ông lập văn bản tính chi phí thực hiện công việc với ông H, hai bên thống nhất ông H còn nợ ông số tiền là 91.000.000 đồng và ông H ký xác nhận. Hai bên thỏa thuận miệng trong vòng 01 tháng ông H phải trả ông số tiền trên, nH đến hạn, ông đã nhiều lần gọi điện yêu cầu ông H trả, nH ông H không trả. Ngày 19/01/2020, ông đến nhà ông H đòi tiền, ông H hẹn ông đến ngày 19/05/2020 sẽ trả, nH ông H không trả và viết giấy nhận nợ với nội Dung “Ngày 19/01/2020 tổng số tiền em Hoàng Văn H còn nợ anh Đ là 91.000.000 đồng...hẹn ngày 19/05/2020...trả tiền anh Đ”. Đến hạn ông H tiếp tục khát nợ, không chịu thanh toán. Đầu năm 2022, biết ông H đang công tác tại Lữ đoàn quân đội 203, xã Đông H, ông đã làm đơn gửi Lữ đoàn 203, thì ông H xin ông rút đơn và xuống nhà trả ông được 36.000.000 đồng, còn 55.000.000 đồng, ông H hứa trả sau. Ngày 24/06/2022, ông H lại đến nhà ông viết giấy nhận nợ, hẹn đến 15/08/2022 trả ông hết số tiền trên, nH đến nay nhiều lần ông yêu cầu ông H trả nH ông H vẫn chưa trả. Nay ông yêu cầu ông H phải trả ông số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng. Giao dịch giữa ông và ông H không liên quan gì đến vợ ông và vợ ông H.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày: Ông và ông Nguyễn Văn Đ không có quan hệ họ hàng gì chỉ là quan hệ xã hội. Thông qua bạn bè, biết ông Đ chuyên cung cấp lao động, máy móc để thi công các công trình xây dựng. Năm 2019, ông có nhận thầu đổ đường bê tông cho thôn Gấn, thôn Cây Đa, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, ông có gặp ông Đ để thỏa thuận thi công. Hai bên không lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng, nên nội Dung cụ thể như nào ông không nhớ. Sau thi thi công xong công trình, hai bên có nghiệm thu nH không lập biên bản. Sau đó ông Đ có lập biên bản tính chi phí thi công, thấy các mục chi phí đúng như thỏa thuận nên ông có ký vào biên bản nhận còn nợ ông Đ 91.000.000 đồng. Sau đó vài tháng ông Đ có gọi điện thoại đòi tiền ông, nH do chưa có tiền trả nên ông viết giấy nhận nợ với ông Đ. Năm 2022, ngày tháng ông không nhớ, do vẫn chưa có tiền trả ông Đ nên ông tiếp tục viết giấy nhận nợ với ông Đ. Khoảng giữa năm 2022 đầu năm 2023, ông đã trả được ông Đ 36.000.000 đồng, còn 55.000.000 đồng từ đó đến nay ông vẫn chưa trả. Nay ông Đ yêu cầu ông trả số tiền trên ông đồng ý, nH do kinh tế của ông khó khăn, ông xin được trả dần. Giao dịch giữa ông và ông Đ không liên quan gì đến vợ ông và vợ ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc ông Hoàng Văn H trả ông Nguyễn Văn Đ số tiền còn nợ là

55.000.000 đồng.

- Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Hoàng Văn H phải trả số tiền thi công chưa thanh toán. Đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ, gọi chung là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn Đ, ông Hoàng Văn H đều xác nhận giao dịch giữa hai ông không liên quan đến người thứ ba. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của vợ ông Đ là bà Trương Thị X, vợ ông H là bà Vũ Thị Q, bà X và bà Q đều xác định giao dịch giữa ông Đ, ông H không liên quan đến các bà. Xét giao dịch giữa ông Nguyễn Văn Đ, ông Hoàng Văn H không liên quan đến người thứ ba nên Tòa án không đưa bà Trương Thị X, bà Vũ Thị Q vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Năm 2019, ông Hoàng Văn H có nhận thầu đắp đường bê tông tại thôn Gắn, thôn Cây Đa, xã Đông Phú với khối lượng khoảng 875m³. Biết ông Nguyễn Văn Đ chuyên cung cấp lao động, máy móc để thi công. Ông Hoàng Văn H đã liên hệ với ông Nguyễn Văn Đ, hai bên thỏa thuận miệng, ông Đ sẽ cung cấp lao động và máy móc cho ông H để làm đường. Sau khi đắp xong đường bê tông, các bên có nghiệm thu, quyết toán. Ngày 10/12/2019, ông Đ và ông H lập văn bản, nội Dung ông H còn nợ ông Đ số tiền là 91.000.000 đồng. Do chưa có tiền trả ngày 19/01/2020, ông H viết giấy nợ với nội Dung ông H sẽ trả ông Đ số tiền trên vào ngày 19/05/2020. Đến ngày 24/06/2022, ông H đã trả được ông Đ 36.000.000 đồng, số tiền còn lại 55.000.000 đồng, ông H tiếp tục viết giấy nợ, thời hạn trả là ngày 15/08/2022. Đến hạn ông H vẫn không trả. Nay ông Đ yêu cầu ông H phải trả ông số tiền chưa thanh toán là 55.000.000 đồng, ông H đồng ý. Như, vậy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Hoàng Văn H phải trả ông Nguyễn Văn Đ số tiền thi công công trình còn nợ theo giấy viết nợ ngày 24/06/2022 là 55.000.000 (Năm mươi lăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ được chấp nhận nên ông Hoàng Văn H phải chịu 2.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Đ 1.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008535 ngày 29 tháng 10 năm 2024.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 274, Điều 275, Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 519 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc ông Hoàng Văn H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền thi công công trình còn nợ là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn H phải chịu 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Đ 1.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008535 ngày 29 tháng 10 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi chức THADS huyện.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân